

Số: 15/2020/QĐST-HNGĐ

TP. H, ngày 24 tháng 02 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 177/2019/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Ngọc M, sinh năm 1991.

HKTT: Số 6, đường B, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Nơi đăng ký tạm trú: Số nhà 172, đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Trần Thị Thùy Liên, luật sư thuộc Công ty Luật TNHH LA HAYE thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng.

2. Bị đơn: Anh Trần Quang A, sinh năm 1989.

HKTT: Số 6, đường B, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Trần Châu Tuệ A1, sinh ngày 15/7/2013; cháu Trần Nguyên P, sinh ngày 29/12/2014 và cháu Trần Quang M1, sinh ngày 28/10/2018.

Nơi đăng ký HKTT: Số 6, đường B, phường Q, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ nơi ở hiện tại: Số nhà 172, đường Đ, phường L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu A1, cháu P, cháu M1 là anh Trần Quang A và chị Bùi Thị Ngọc M (bố, mẹ đẻ của các cháu).

Căn cứ vào các Điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Ngọc M và anh Trần Quang A.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Ngọc M và anh Trần Quang A thống nhất thuận tình ly hôn.

* Về quan hệ con chung: Chị Bùi Thị Ngọc M và anh Trần Quang A thống nhất thỏa thuận: Giao cả ba con chung là các cháu Trần Châu Tuệ A1, sinh ngày 15/7/2013, cháu Trần Nguyên P, sinh ngày 29/12/2014 và cháu Trần Quang M1, sinh ngày 28/10/2018 cho chị Bùi Thị Ngọc M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Trần Quang A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Anh Trần Quang A cấp dưỡng tiền nuôi cháu A1, cháu P, cháu M1 mỗi cháu một tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn), ba cháu một tháng là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng chẵn). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 3/2020 cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Bùi Thị Ngọc M có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành, nếu anh Trần Quang A không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

* **Về án phí:** Chị Bùi Thị Ngọc M và anh Trần Quang A thống nhất thỏa thuận: Chị Bùi Thị Ngọc M tự nguyện nhận chịu cả 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền án phí Dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền án phí Dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng tiền án phí là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm chị Bùi Thị Ngọc M đã nộp là 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001019 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Chị Bùi Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trên đây là quyết định của Hội đồng thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, ng-êi thi hành án dân sự, ng-êi ph-êi thi hành án dân sự cả quyền tho-ê thu-ê thi hành án, tù ng-êi thi hành án hoặc b-ê c-êi ch-êi thi hành án theo quy định tại c, c Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; theo hi-êu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- UBND phường Q, thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Thị Kim Anh